

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18/03/2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Thu Hà
2. Bà Hoàng Thị Thái
- **Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Q - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ.
- **Đại diện VKSND thành phố Đ,** tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn N- Kiểm sát viên.

Ngày 18/03/2025. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2024/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXX-ST ngày 08/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐ ngày 20/02/2025 giữa các đương sự

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn H, P- Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Số nhà 43, tổ 9, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc Q - Sinh năm: 1991. Địa chỉ: Số nhà 43, tổ 9, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04/10/2024 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân thành phố Đ, chị Nguyễn Huyền P(nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Trần Ngọc Q tổ chức đám cưới từ ngày 08/11/2016 và đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Chúng tôi kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc được vài năm đầu thì cuộc sống hai vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh Q thường xuyên đi làm thuê xa nhà, từ năm 2019 đến năm 2022 anh đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh sau đó lại về H làm thuê nhưng không rõ làm công việc gì, thu nhập công việc không ổn định không đủ kinh tế lo cho gia đình. Dẫn đến tình cảm rạn nứt không có tiếng nói chung. Anh bỏ mặc không quan tâm đến 2 mẹ con tôi từ khi đi làm thuê. Do không thể ở

chung cùng nhà chồng được nữa vì anh Q không ở cùng nên từ tháng 12 năm 2023 tôi đưa con gái rời khỏi nhà chồng về tạm trú tại nhà mẹ đẻ. Mâu thuẫn kéo dài nên tôi không còn tình cảm với chồng vậy tôi làm đơn ly hôn để tôi sớm ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung Trần Ngọc Diệu A sinh ngày 11/02/2028. Quan điểm khi ly hôn tôi nuôi cháu A đến khi cháu thành niên. Về phần cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ lấy về, và diện tích ruộng nương: Nợ phải trả: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- **Bị đơn anh Quý trình bày:** Về việc kết hôn tôi công nhận lời trình bày của cô Phượng tại Tòa án là hoàn toàn đúng về đăng ký kết hôn có đăng ký tự nguyện tại UBND phường N

Còn về hôn nhân: Tôi và vợ không có mâu thuẫn gì lớn, tình cảm vẫn còn tôi không đồng ý ly hôn muốn vợ chồng đoàn tụ. Do tôi thường xuyên phải đi làm thuê, nên không thường xuyên ở nhà, tôi phải đi tìm việc làm. Tôi cũng chỉ vì muốn đi lo kinh tế gia đình nên đã đi tìm việc làm. Hiện nay đã ổn định công việc tôi muốn quay về với cô P muốn hàn gắn tình cảm đề nghị Tòa chúng tôi thời gian. Tôi muốn cô P rút đơn.

- Về con chung: Tôi và cô P có 01 con chung như cô P đã trình bày trên. Quan điểm tôi khi ly hôn tôi nuôi cháu A đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Tôi hoàn toàn nhất trí không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chúng tôi tự thỏa thuận.

Tại buổi hòa giải Tại Tòa anh Q và chị P không thống nhất được việc ly hôn và con chung. Vì anh Q cho rằng cần thời gian để hàn gắn tình cảm.

- Về tài sản anh không có tài sản chung gì.

Tại phiên tòa bị đơn anh Trần Ngọc Q đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 69, 19, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung giao cháu Trần Ngọc Diệu A sinh ngày 11/02/2018. cho chị P được quyền nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả, Nợ lấy về; Diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tổ 9, phường N, thành phố Đ tỉnh Đ do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Trần Ngọc Q đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Huyền P và anh Trần Ngọc Q có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Đ. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị P và anh Q không tìm được tiếng nói chung không quan tâm đến nhau, không giành thời gian cho gia đình. Hai anh chị lại sống hai nơi chị Phượng ở Đ còn anh Q không cư trú ổn định lúc ở tại thành phố H, sau đó lại về H làm thuê, không có việc làm nên thu nhập không ổn định, nên vợ chồng không duy trì được cuộc sống chung. Hơn nữa hai anh chị đã ly thân từ tháng 12/2023 cho đến nay không quay lại thăm nom gì nhau, chị P cảm thấy cuộc sống của chị không có lối thoát, khủng hoảng trầm trọng. Vì tình cảm không còn cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị làm đơn xin ly hôn.

Tại biên bản hòa giải anh Q không đồng ý ly hôn vì thương con nhỏ, anh cho rằng vợ chồng không có gì mâu thuẫn lớn muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh cũng không có hành động hay thiện chí gì để hàn gắn lại tình cảm, thể hiện sự bỏ mặc không quan tâm đến 2 mẹ con chị P dẫn đến mâu thuẫn càng trầm trọng hơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị P và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị lại sống ly thân, theo Điều 19 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại điều luật này do bất đồng quan điểm sống, như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị P cùng con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Nguyễn Huyền P và anh Trần Ngọc Q

[3]. Về con chung: Anh Q và chị P đều có nguyện vọng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Q không cung cấp được bản kê thu nhập và nơi cư trú ổn định hiện vẫn đi làm thuê ở H.

Chị P có công việc và thu nhập ổn định chị đã cung cấp cho Tòa bản kê lương và thu nhập mỗi tháng là khoản 6 đến 7 triệu đồng. Hai mẹ con hiện sinh sống cùng nhà mẹ để có đủ điều kiện chăm sóc nhau.

HĐXX xét thấy để đảm bảo quyền lợi cho cháu Trần Ngọc D và sự phát triển về mọi mặt của trẻ phù hợp với căn cứ tại Khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận. Giao cháu Trần Ngọc D cho chị P nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa giải quyết. Hai bên có quyền đi lại thăm nom giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung: Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Không có.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Huyền P, phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, 69, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Huyền P và anh Trần Ngọc Q
2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc D sinh ngày 11/02/2018 cho chị Phụng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung: Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng, nương, anh Quý và chị Phụng không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Huyền P phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị P đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: 0001036 ngày 08/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ (chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa Bạc Thị Liên